

BỘ NỘI VỤ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **140** /BNV-CCHC

Hà Nội, ngày **09** tháng **02** năm **2015**

V/v sửa đổi, bổ sung hướng dẫn việc tự
đánh giá, chấm điểm để xác định Chỉ số
CCHC cấp tỉnh

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Triển khai thực hiện Quyết định số 15/QĐ-BNV ngày 14/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành Kế hoạch triển khai xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2014 của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Bộ Nội vụ hướng dẫn Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là tỉnh) việc tự đánh giá, chấm điểm để xác định Chỉ số cải cách hành chính cấp tỉnh năm 2014 như sau:

1. Tự đánh giá, chấm điểm theo các tiêu chí, tiêu chí thành phần

a) Trên cơ sở tổng hợp ý kiến đóng góp của các tỉnh tại các hội thảo sơ kết 02 năm xác định Chỉ số cải cách hành chính 2012, 2013, Bộ Nội vụ hướng dẫn sửa đổi, bổ sung việc đánh giá, chấm điểm một số tiêu chí (sau đây viết tắt là TC), tiêu chí thành phần (sau đây viết tắt là TCIP) như sau:

- Sửa đổi thang điểm đánh giá của TCIP 1.1.4: Trên cơ sở kết quả, sản phẩm trong kế hoạch, đến thời điểm kết thúc năm kế hoạch, các tỉnh xem xét kết quả, sản phẩm đã được hoàn thành, tính tỷ lệ % (số kết quả, sản phẩm hoàn thành so với tổng số) và đối chiếu với thang điểm để đánh giá: Nếu thực hiện 100% kế hoạch thì điểm đánh giá là 1; từ 85% - dưới 100% kế hoạch thì điểm đánh giá là 0,75; Từ 70% - dưới 85% kế hoạch thì điểm đánh giá là 0,5; từ 50% - dưới 70% kế hoạch thì điểm đánh giá là 0,25; dưới 50% thì điểm đánh giá là 0.

- Sửa đổi thang điểm đánh giá của TCIP 1.3.2: Xác định số đơn vị đã được kiểm tra trên thực tế so với số đơn vị trong kế hoạch kiểm tra để tính tỷ lệ %, từ đó đối chiếu với thang điểm để đánh giá: Nếu thực hiện 100% kế hoạch thì điểm đánh giá là 0,5; từ 85% - dưới 100% kế hoạch thì điểm đánh giá là 0,35; từ 70% - dưới 85% kế hoạch thì điểm đánh giá là 0,25; từ 50% - dưới 70% kế hoạch thì điểm đánh giá là 0,15; dưới 50% kế hoạch thì điểm đánh giá là 0.

- Sửa đổi thang điểm đánh giá của TCIP 1.3.3: Qua kiểm tra công tác cải cách hành chính, thống kê trong báo cáo của đoàn kiểm tra số lượng vấn đề phát hiện cần phải xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý. Nếu 100% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý thì điểm đánh giá là 1; từ 85% - dưới 100% thì điểm đánh giá là 0,75; từ 70% - dưới 85% thì điểm đánh giá là 0,5; từ 50% - dưới 70% thì điểm đánh giá là 0,25; dưới 50% thì

điểm đánh giá là 0.

- Sửa đổi thang điểm đánh giá TCTP 1.4.2: Thực hiện 100% kế hoạch thì điểm đánh giá là 0,5; từ 85% - dưới 100% kế hoạch thì điểm đánh giá là 0,35; từ 70% - dưới 85% kế hoạch thì điểm đánh giá là 0,25; từ 50% - dưới 70% kế hoạch thì điểm đánh giá là 0,15; dưới 50% thì điểm đánh giá là 0.

- Hướng dẫn TCTP 1.5.2 về sáng kiến trong triển khai công tác cải cách hành chính: Nếu có các giải pháp, cách làm mới được áp dụng có hiệu quả trong triển khai các nhiệm vụ cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh thì điểm đánh giá là 1. Nếu không có sáng kiến thì điểm đánh giá là 0. Tài liệu kiểm chứng bao gồm: các văn bản quy phạm pháp luật, đề án, kế hoạch, tài liệu hướng dẫn, tài liệu kỹ thuật nghiệp vụ... chứng minh về việc có sáng kiến cải cách hành chính của tỉnh.

- Sửa đổi thang điểm đánh giá TCTP 2.1.1: Trên cơ sở số kết quả, sản phẩm trong kế hoạch, đến thời điểm kết thúc năm kế hoạch, các tỉnh xem xét số kết quả đã được hoàn thành, tính tỷ lệ % (số kết quả hoàn thành so với tổng số) để chấm điểm. Nếu thực hiện 100% kế hoạch thì điểm đánh giá là 1; từ 85% - dưới 100% kế hoạch thì điểm đánh giá là 0,75; từ 70% - dưới 85% kế hoạch thì điểm đánh giá là 0,5; từ 50% - dưới 70% kế hoạch thì điểm đánh giá là 0,25; dưới 50% kế hoạch thì điểm đánh giá là 0.

- Sửa đổi thang điểm đánh giá TCTP 2.1.2: Đối chiếu việc thực hiện quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh với các quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND và hướng dẫn của Chính phủ. Nếu trên 80% văn bản thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 0,5; từ 70% - dưới 80% văn bản đúng quy định điểm đánh giá là 0,3; từ 50% - dưới 70% văn bản đúng quy định điểm đánh giá là 0,25; dưới 50% văn bản đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.

- Sửa đổi hướng dẫn TCTP 2.2.1: Nếu thời điểm ban hành kế hoạch trong Quý IV của năm trước liền kề năm kế hoạch thì điểm đánh giá là 0,5. Thời điểm ban hành trong năm kế hoạch thì điểm đánh giá là 0,25. Nếu không ban hành kế hoạch thì điểm đánh giá là 0.

- Sửa đổi thang điểm đánh giá của TCTP 2.2.2: Thực hiện 100% kế hoạch thì điểm đánh giá là 0,5; từ 85% - dưới 100% kế hoạch thì điểm đánh giá là 0,35; từ 70% - dưới 85% kế hoạch thì điểm đánh giá là 0,25; từ 50% - dưới 70% kế hoạch thì điểm đánh giá 0,15; dưới 50% thì điểm đánh giá là 0.

- Sửa đổi hướng dẫn TCTP 2.3.2: Nếu thời điểm ban hành kế hoạch trong Quý IV của năm trước liền kề năm kế hoạch thì điểm đánh giá là 0,5. Thời điểm ban hành trong năm kế hoạch thì điểm đánh giá là 0,25. Nếu không ban hành kế hoạch thì điểm đánh giá là 0.

- Sửa đổi thang điểm đánh giá của TCTP 2.3.3: Thực hiện 100% kế hoạch thì điểm đánh giá là 1; từ 85% - dưới 100% kế hoạch thì điểm đánh giá là 0,75; từ 70% - dưới 85% kế hoạch thì điểm đánh giá là 0,5; từ 50% - dưới 70% kế hoạch thì điểm đánh giá là 0,25; dưới 50% thì điểm đánh giá là 0.

- Sửa đổi thang điểm đánh giá của TCTP 2.3.4: Qua kiểm tra việc thực hiện văn bản quy phạm pháp luật tại tỉnh, thống kê trong báo cáo của đoàn kiểm tra số lượng vấn đề phát hiện cần phải xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý. Nếu 100% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý thì điểm đánh giá là 1; nếu đạt từ 85% - dưới 100% thì điểm đánh giá là 0,75; đạt từ 70% - dưới 85% thì điểm đánh giá là 0,5; từ 50% - dưới 70% thì điểm đánh giá là 0,25; nếu dưới 50% thì điểm đánh giá là 0.

- Sửa đổi thang điểm đánh giá của TCTP 3.1.1: Nếu thời điểm ban hành kế hoạch trước ngày 31 tháng 01 của năm kế hoạch thì điểm đánh giá là 0,5. Ban hành sau ngày 31 tháng 01 của năm kế hoạch thì điểm đánh giá là 0.

- Sửa đổi thang điểm đánh giá TCTP 3.1.2: Thực hiện 100% kế hoạch thì điểm đánh giá là 1; từ 85% - dưới 100% kế hoạch thì điểm đánh giá là 0,75; từ 70% - dưới 85% kế hoạch thì điểm đánh giá là 0,5; từ 50% - dưới 70% kế hoạch thì điểm đánh giá là 0,25; dưới 50% thì điểm đánh giá là 0.

- Sửa đổi hướng dẫn TCTP 4.3.1: Hàng năm, Sở Nội vụ xây dựng, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành kế hoạch kiểm tra tình hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện (kế hoạch kiểm tra có thể lồng ghép trong kế hoạch cải cách hành chính của tỉnh). Nếu có kế hoạch kiểm tra đối với trên 30% số cơ quan so với tổng số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện thì điểm đánh giá là 0,5; từ 20 - 30% thì điểm đánh giá là 0,25; dưới 20% hoặc không có kế hoạch kiểm tra thì điểm đánh giá là 0.

- Sửa đổi thang điểm đánh giá của TCTP 4.3.2: Thực hiện 100% kế hoạch thì điểm đánh giá là 1; từ 85% - dưới 100% kế hoạch thì điểm đánh giá là 0,75; từ 70% - dưới 85% kế hoạch thì điểm đánh giá là 0,5; từ 50% - dưới 70% kế hoạch thì điểm đánh giá là 0,25; dưới 50% thì điểm đánh giá là 0.

- Sửa đổi thang điểm đánh giá của TCTP 4.3.3: Qua kiểm tra, thống kê số lượng các vấn đề không đúng quy định về tổ chức bộ máy cần phải xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý. Nếu 100% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý thì điểm đánh giá là 1; từ 85% - dưới 100% thì điểm đánh giá là 0,75; từ 70% - dưới 85% thì điểm đánh giá là 0,5; từ 50% - dưới 70% thì điểm đánh giá là 0,25; dưới 50% thì điểm đánh giá là 0.

- Bổ sung hướng dẫn TCTP 4.4.1: Các tỉnh tổng hợp đánh giá tình hình triển khai phân cấp quản lý đối với 6 nội dung phân cấp được quy định tại mục

III “Những định hướng chủ yếu” của Nghị quyết số 08/2004/NQ-CP ngày 30/6/2004 của Chính phủ về tiếp tục đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước giữa Chính phủ và chính quyền tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các quy định về phân cấp quản lý khác của Chính phủ, các bộ. Các tỉnh tổng hợp, thống kê các văn bản pháp luật có quy định về phân cấp quản lý theo thẩm quyền để thực hiện các nhiệm vụ phân cấp đã được pháp luật quy định. Nếu tất cả được thực hiện đầy đủ, đúng quy định thì điểm đánh giá là 1, nếu thực hiện không đầy đủ, đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.

- Sửa đổi thang điểm của TCTP 4.4.3: Qua kiểm tra, thống kê số vấn đề tồn tại, vướng mắc trong thực hiện phân cấp cần phải được xử lý hoặc kiến nghị xử lý. Nếu 100% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý thì điểm đánh giá là 1; từ 85% - dưới 100% thì điểm đánh giá là 0,75; từ 70% - dưới 85% thì điểm đánh giá là 0,5; từ 50% - dưới 70% thì điểm đánh giá là 0,25; dưới 50% thì điểm đánh giá là 0.

- Sửa đổi thang điểm đánh giá của TCTP 5.3.2: Thực hiện 100% kế hoạch thì điểm đánh giá là 1; từ 85% - dưới 100% kế hoạch thì điểm đánh giá là 0,75; từ 70% - dưới 85% kế hoạch thì điểm đánh giá là 0,5; từ 50% - dưới 70% kế hoạch thì điểm đánh giá là 0,25; dưới 50% thì điểm đánh giá là 0.

- Sửa đổi tên TCTP 5.6.3 thành “*Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ trong năm*”. Thống kê tổng số cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ trong năm trên tổng số cán bộ, công chức cấp xã của tỉnh. Nếu đạt tỷ lệ trên 80% số cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng trong năm thì điểm đánh giá là 1; từ 70 – dưới 80% thì điểm đánh giá là 0,75; từ 50 - dưới 70% thì điểm đánh giá là 0,5; dưới 50% thì điểm đánh giá là 0.

- Hướng dẫn TCTP 6.3.1: Các tỉnh lập danh sách các tổ chức nghiên cứu khoa học, tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh. Nếu trên 80% số tổ chức này có đề án chuyển đổi cơ chế hoạt động được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo các quy định tại Nghị định số 115/2005/NĐ-CP ngày 05/9/2005; Nghị định số 96/2010/NĐ-CP ngày 20/9/2010 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2005/NĐ-CP và các thông tư hướng dẫn thì điểm đánh giá là 1; từ 70% - dưới 80% thì điểm đánh giá là 0,75; từ 50% - dưới 70% thì điểm đánh giá là 0,5; dưới 50% thì điểm đánh giá là 0. Nếu tỉnh không có tổ chức nghiên cứu khoa học, tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ thì báo cáo giải trình kèm theo văn bản xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Sửa đổi thang điểm đánh giá của TCTP 7.1.2: Thực hiện 100% kế hoạch thì điểm đánh giá là 1; từ 85% - dưới 100% kế hoạch thì điểm đánh giá là 0,75;

từ 70% - dưới 85% kế hoạch thì điểm đánh giá là 0,5; từ 50% - dưới 70% kế hoạch thì điểm đánh giá là 0,25; dưới 50% thì điểm đánh giá là 0.

- Sửa đổi tên TCTP 7.3.1 thành: *"Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp huyện công bố hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008"*. Các tỉnh tổ chức thực hiện theo quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước (sau đây gọi là Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg). Trên 80% số cơ quan, đơn vị công bố hệ thống quản lý chất lượng thì điểm đánh giá là 1; từ 70% - dưới 80% số cơ quan, đơn vị thì điểm đánh giá là 0,75; từ 50% - dưới 70% số cơ quan, đơn vị thì điểm đánh giá là 0,5; dưới 50% số cơ quan, đơn vị thì điểm đánh giá là 0.

- Sửa đổi tên TCTP 7.3.2 thành: *"Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp xã công bố hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008"*. Trên 70% số đơn vị thực hiện thì điểm đánh giá là 1; từ 50% - dưới 70% số đơn vị thực hiện thì điểm đánh giá là 0,75; từ 30% - dưới 50% số đơn vị thực hiện thì điểm đánh giá là 0,5; dưới 30% số đơn vị thực hiện thì điểm đánh giá là 0.

- Hướng dẫn TCTP 7.3.3: Căn cứ quy định tại điểm d, Điều 12 của Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg, các tỉnh báo cáo kết quả kiểm tra việc tổ chức thực hiện ISO tại tỉnh. Đây là một trong những tài liệu kiểm chứng để đánh giá tỷ lệ cơ quan thực hiện đúng ISO trong hoạt động của tỉnh.

- Sửa đổi tên TCTP 8.2.1 thành *"Tỷ lệ thủ tục hành chính giải quyết theo cơ chế một cửa tại địa phương"*.

- Sửa đổi tên TCTP 8.3.2: *"Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp huyện có Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại"*.

b) Đối với các tiêu chí, tiêu chí thành phần khác quy định tại Bảng số 02 Quyết định số 1294/QĐ-BNV ngày 03/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ phê duyệt Đề án xác định Chỉ số cải cách hành chính của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các tỉnh tự đánh giá theo Công văn số 932/BNV-CCHC ngày 20/3/2013 về việc hướng dẫn việc tự đánh giá, chấm điểm để xác định Chỉ số cải cách hành chính cấp tỉnh và Công văn số 1418/BNV-CCHC ngày 23/4/2013 về việc hướng dẫn tự đánh giá, chấm điểm để xác định Chỉ số cải cách hành chính cấp tỉnh.

2. Tài liệu kiểm chứng

- Tài liệu kiểm chứng là các văn bản pháp luật, kế hoạch, đề án, báo cáo, tài liệu hướng dẫn, số liệu thống kê... đã được cấp có thẩm quyền ban hành. Đối

với các tài liệu đã được gửi Bộ Nội vụ theo quy định (như báo cáo cải cách hành chính, kế hoạch...) các tỉnh chỉ nêu tên văn bản tại cột tài liệu kiểm chứng của Bảng tổng hợp kết quả. Các tài liệu khác, đề nghị sao, chụp, scan theo định dạng PDF có đầy đủ con dấu, chữ ký theo thẩm quyền gửi kèm Bảng tổng hợp kết quả hoặc tổng hợp gửi bản điện tử qua địa chỉ hộp thư điện tử vucchc@moha.gov.vn.

- Các tiêu chí, tiêu chí thành phần không có tài liệu kiểm chứng yêu cầu các tỉnh giải trình rõ về cách tính điểm và các số liệu liên quan.

Trên đây là hướng dẫn của Bộ Nội vụ về công tác tự đánh giá, chấm điểm để xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2014. Yêu cầu các tỉnh thực hiện nghiêm túc, khách quan, trung thực việc tự đánh giá, chấm điểm. Trong quá trình triển khai thực hiện có vấn đề gì vướng mắc, đề nghị các tỉnh phản ánh về Bộ Nội vụ (ông Nguyễn Mạnh Cường, chuyên viên Vụ Cải cách hành chính, điện thoại: 0912.521.464; email: manhcuongmoha@gmail.com) để kịp thời giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Trần Anh Tuấn;
- Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Lưu: VT, CCHC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Trần Anh Tuấn